

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 / 11 / 2018
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;

2. Bà Hà Mộng Dung.

- Th2 ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Th2 ký Tòa án nhân dân Th phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Th phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2018/TLST – HN ngày 12/7/2018 về “tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2018/QĐXXST-HN ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2018/QĐST-HN ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thu H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 4, khóm P, phường S, Th phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Phước Th, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 4, khóm P, phường S, Th phố D, tỉnh An Giang.

Bà H có mặt; ông Th vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thu H trình bày: Qua mai mối bà và ông Th quen biết và tìm hiểu yêu Th2ong nhau một thời gian thì được gia đình tổ chức lễ cưới, chung sống vào năm 1996 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam vào ngày 16/6/2004. Sau lễ cưới bà về dâu và sống cùng gia đình bên cH được 06 tháng, thì cất nhà ra sống riêng ở cạnh nhà bên cH, có đăng ký hộ khẩu

Th2 ở trú tại tổ 4, xóm P, phường S, Th phố D. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không còn phù hợp nhau, không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến Th2 ở xuyên cớ cãi, gia đình không hạnh phúc, nguyên nhân do ông Th có tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà gây gỗ đánh đập bà, hiện không còn sống chung. Bà H yêu cầu được ly hôn ông Th.

Về con chung: Bà H khai giữa bà và ông Th có 02 con chung tên Lê Anh Th2, sinh ngày 20/6/1997 (đã Th niên) và Lê Dạ Th1, sinh ngày 22/10/2002 hiện đang sống cùng bà. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Th1, yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của các cháu Lê Anh Th2 và Lê Dạ Th1. Các cháu có lời khai thống nhất, vào thời gian ông Th, bà H chưa đi làm tại Th phố Hồ Chí Minh thì các cháu có chứng kiến ông Th nhiều lần đánh bà H do trong lúc cớ cãi ông Th nóng tính và thời gian gần đây vẫn Th2 ở xuyên có mâu thuẫn, việc hàn gắn tình cảm là rất khó. Các cháu đồng ý việc bà H ly hôn ông Th, riêng cháu Th1 có nguyện vọng được sống cùng bà H nếu bà H, ông Th ly hôn.

Ngoài ra, cháu Th2 cho biết thời điểm bà H gửi đơn xin ly hôn ông Th còn ở nhà, khi tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ thì ông Th bỏ đi làm ăn xa không rõ địa chỉ, tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Th thông qua cháu và ghi ý kiến ông Sĩ, qua điện thoại hàng ngày do ông Th gọi cho cháu, thì cháu có cho biết nhưng ông Th không về, ông Th luôn thay đổi số điện thoại nên không thể cung cấp được.

Biên bản xác minh ngày 21/9/2018, ông Lê Phước S cho biết: Ông là anh ruột của ông Th. Trước đây vợ chồng ông Th, bà H đi làm tại Bình Dương, thỉnh thoảng có về nhà, ông không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng. Việc ông Th, bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam và có 02 con chung. Đồng thời Ban xóm Vĩnh Phước cũng cho biết vợ chồng ông Th, bà H có đăng ký hộ khẩu Th2 ở trú tại địa phương, thời gian sống ở địa phương thì không nghe cãi vã nhau, thời gian gần đây thì vợ chồng đi làm ăn xa nhưng vẫn về thăm nhà.

Ông Th được tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông qua người thân, nhưng ông Th không đến tòa án giải quyết nên Tòa án không tiến hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Th, cho biết từ khi gởi đơn khởi kiện cho đến nay ông Th không về nhà; bà yêu cầu nuôi dạy cháu Th1, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; ngoài ra bà H có yêu cầu Tòa án không công khai nội dung bản án trên cổng thông tin điện tử vì đây là đời tư.

- Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh tình trạng cư trú và hôn nhân tại ban khóm Vĩnh Phước, Biên bản ghi ý kiến cháu Th1, Th2 và ông Lê Phước S(anh ruột ông Th).

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử : Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Th2 ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà H và ông Th là qua mai mối tìm hiểu và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th có hành vi đánh đập bà H. Cho thấy ông Th có vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H xin ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hiện nay bà H đang nuôi dạy con chung và yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Lê Dạ Th1, sinh ngày 22/10/2002, tại phiên tòa bà H không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con, cháu Th1 có nguyện vọng sống cùng bà H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Th đang cư trú tổ 4, khóm P, phường S, Th phố D, tỉnh An Giang. Xét đây là

tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Th phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Th vắng mặt và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt 02 lần không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà H và ông Th chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, giấy chứng nhận kết hôn số 124/HT cấp ngày 16/6/2004 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà H yêu cầu xin ly hôn với ông Th, với nguyên nhân vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau, chồng xuyên cớ cãi, hiện tại không còn sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án ban hành các thông báo cho ông Th, nhưng ông Th không đến tòa án để hòa giải với bà H.

Xét thấy, nghĩa vụ vợ chồng là phải yêu chồng, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau với nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo bà H khai phù hợp với kết quả xác minh và lời khai các cháu Th1 và Th2, ngoài ra bà H khai vợ chồng đã sống xa cách thời gian dài, nên đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông Th đã đến mức nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông Th.

[2] Về việc nuôi con chung, việc cấp dưỡng: Bà H khai và qua xác minh xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng bà H và ông Th có 02 con chung tên Lê Anh Th2, sinh ngày 20/6/1997 (đã thành niên) và Lê Dạ Th1, sinh ngày 22/10/2002, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với nguyện vọng của cháu Th1 nên chấp nhận, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

Bà Lê Thu H cùng các Th viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Phước Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu H.

Bà Lê Thu H được ly hôn với ông Lê Phước Th.

Về con chung: Bà Lê Thu H được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Dạ Th1, sinh ngày 22/10/2002 cho đến tuổi Th niên. Ông Lê Phước Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thu H cùng các Th viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Phước Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2016/0007433 ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Th phố Châu Đức.

Ông Lê Phước Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà H có quyền kháng cáo đề Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy